

**Mô-men xoắn tiêu chuẩn**

Trong trường hợp không đề cập đến mô-men xoắn, hãy sử dụng mô-men xoắn tiêu chuẩn theo kích thước ren và cấp của từng vít.
Thận trọng: Tất cả các vật liệu liên quan đến ứng dụng phải được xem xét khi tính toán mô-men xoắn. Điều này đặc biệt quan trọng khi các vật thể được cố định có định mức mô-men xoắn thấp hơn so với chính vít/đai ốc.

Vít, Lớp 8.8, mức trung bình (Screw, 8.8 class, medium level)

Đường ren	Mô-men xoắn lắp ráp (Nm)
M5	6 ± 1
M6	10 ± 1.5
M7	17 ± 3
M8	24 ± 4
M10	48 ± 8
M12	85 ± 15
M14	140 ± 25
M16	220 ± 35
M18	290 ± 45
M20	430 ± 70
M22	580 ± 90
M24	740 ± 120

Vít, Lớp 10.9, mức trung bình (Screw, 10.9 class, medium level)

Đường ren	Mô-men xoắn lắp ráp (Nm)
M5	7.5 ± 1.2
M6	12 ± 2
M7	22 ± 3
M8	30 ± 5
M10	60 ± 10
M12	105 ± 20
M14	175 ± 30
M16	275 ± 45
M18	360 ± 55
M20	540 ± 90
M22	730 ± 120
M24	900 ± 140

Vít, loại 8.8, ren UN (Screws, class 8.8, UN thread)

Đường ren (Inch)	Mô-men xoắn lắp ráp (Nm)
1/4	10 ± 2.5
5/16	20 ± 5
3/8	40 ± 10
7/16	60 ± 15
1/2	100 ± 25
9/16	140 ± 30
5/8	200 ± 50

Nên sử dụng mô-men xoắn siết chặt sau cho vòng kẹp giữ trên ống.

Vòng kẹp có đai ốc dễ gãy

Tốc độ lý tưởng của máy siết chặt phải là 300 ± 100 vòng/phút;

Mô-men xoắn siết chặt khuyến nghị là 3 ± 0,25 Nm (mô-men xoắn không phụ thuộc vào đường kính vòng kẹp giữ);

Vòng kẹp giữ phải được siết chặt đến điểm gãy đầu đai ốc;

Không được tái sử dụng vòng kẹp giữ.

**Vòng kẹp giữ không có đai ốc dễ gãy**

Đường ren (mm)	Mô-men xoắn lắp ráp (Nm)
14 - 17	2.0 - 2.5
20 - 32	2.5 - 3.5
38 - 50	3.5 - 4.5
56 - 75	5.0 - 6.0
85 - 112	5.0 - 6.0
138 - 165	5.0 - 6.0

Co nối và nút bịt

Thận trọng: Để loại bỏ nguy cơ làm hỏng miếng đệm, điều rất quan trọng là phải đảm bảo co nối không di chuyển khi lực mô-men xoắn siết chặt được tác dụng vào đai ốc cố định nó. Do đó, co nối phải được giữ chặt để tránh chuyển động của nó. Chỉ sau quy trình này, lực mô-men xoắn mới phải được tác dụng vào đai ốc cố định co nối.

Đường ren	Mô men xoắn siết chặt (Nm)			
	Co nối và nút bịt có vòng đệm chữ O	Co nối và nút bịt có ren NPTF		Co nối góc cạnh có ren côn
		Sắt	Nhôm	Sin làm kín Khoá hoá học
M10 x 1.0	25 ± 5			15 10
M12 x 1.5	25 ± 5			20 10
M16 x 1.5	40 ± 8			25 10
M22 x 1.5	40 ± 8			25 10
1/8" - 27		10 ± 1.5	10 ± 1.5	
1/4" - 18		20 ± 3	20 ± 3	
3/8" - 18		30 ± 5	30 ± 5	
3/4" - 14		50 ± 7	50 ± 7	